

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2026

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trương Thanh Quang.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Thành Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại Trụ sở 1 - Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 515/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Ngọc T, sinh năm 1983, địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1984, địa chỉ: Ấp P, xã L, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 11 năm 2025, trong quá trình tiến hành tố tụng, nguyên đơn, anh Phạm Ngọc T, trình bày: Vào năm 2006, anh và chị Ngô Thị N tự tìm hiểu với nhau, đã đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (Nay là xã L, tỉnh Đồng Tháp). Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình anh, thời gian đầu sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Phạm Thị Bích T1, sinh ngày 03/01/2007. Đến năm 2025, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay cự cãi, sống không hợp nhau và đã ly thân từ đó đến nay, không hàn gắn tình cảm được. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu được ly hôn với chị N. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị Bích T1, sinh ngày 03/01/2007, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về chia tài sản chung: Tự

thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tiến hành tố tụng, bị đơn chị Ngô Thị N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định nhưng chị N vẫn không có mặt cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Ngô Thị N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn anh Phạm Ngọc T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn chị Ngô Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nên Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Ngọc T và chị Ngô Thị N được pháp luật công nhận, vì có đăng ký kết hôn phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Xét, yêu cầu của anh T là có căn cứ để chấp nhận, vì trong quá trình chung sống giữa anh T và chị N có phát sinh mâu thuẫn gia đình. Anh T và chị N không còn sống chung đã lâu vẫn không hàn gắn được. Tòa án đã triệu tập chị N đến tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng chị N đều vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị N không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Ngô Thị N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn anh T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp; anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 9, 53, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phạm Ngọc T. Cho anh Phạm Ngọc T được ly hôn với chị Ngô Thị N.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Ngọc T chịu 300.000đ án phí ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0011641 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, anh T đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều không có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn, nếu có;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Nông Phú